TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 400/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2023
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;
2. Ông Lê Văn Dừa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 762/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huệ M, sinh năm 1990; (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Bình L, sinh năm 1980; (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 793/28/23 đường T, phường T, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh. (đang chấp hành án tại đội 10, khu 1, phân trại số 2, trại tạm giam Mỹ Phước, xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huệ M trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Huệ M và ông Nguyễn Bình L qua thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2017 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2017, đăng ký ngày 17/11/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường 5 Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh).

Vợ chồng sống hạnh phúc được 02 (Hai) năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không

có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huệ M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Bình L.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Huệ M và ông Nguyễn Bình L có 02 con chung là Nguyễn Bình Ngọc T, sinh ngày 28/02/2018 và Nguyễn Bình Ngọc T1, sinh ngày 22/4/2020. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Huệ M yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Bình L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự khai không có.

Bà Nguyễn Thị Huệ M cam kết việc ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào và bà chỉ nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7.

Bà Nguyễn Thị Huệ M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Bình L trình bày:

Hiện nay ông Nguyễn Bình L đang chấp hành án tại đội 10, khu 1, phân trại số 2, trại tạm giam Mỹ Phước, xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị Huệ M và ông Nguyễn Bình L qua thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2017 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2017, đăng ký ngày 17/11/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường 5 Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh). Nay với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Huệ M thì ông Nguyễn Bình L đồng ý.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Huệ M và ông Nguyễn Bình L có 02 con chung là Nguyễn Bình Ngọc T, sinh ngày 28/02/2018 và Nguyễn Bình Ngọc T1, sinh ngày 22/4/2020. Sau khi ly hôn ông Nguyễn Bình L đồng ý để bà Nguyễn Thị Huệ M được trực tiếp nuôi cả hai con chung và ông Nguyễn Bình L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự khai không có.

Ông Nguyễn Bình L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Huệ M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Bình L nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông Nguyễn Bình L địa chỉ cư trú tại Quận 7 nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7.

[2] Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Huệ M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Bình L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Bà Nguyễn Thị Huệ M và ông Nguyễn Bình L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2017 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2017, đăng ký ngày 17/11/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường 5 Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp; vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3.2] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của đương sự cho thấy quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Huệ M và ông Nguyễn Bình L chỉ ràng buộc về mặt pháp lý, cả hai không còn tình cảm với nhau, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huệ M là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 98/2018, đăng ký ngày 20/3/2018 và Giấy khai sinh số 222/2020, đăng ký ngày 09/6/2020 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và cùng với lời trình bày của đương sự đủ cơ sở để khẳng định bà Nguyễn Thị Huệ M và ông Nguyễn Bình L có 02 con chung là Nguyễn Bình Ngọc T, sinh ngày 28/02/2018 và Nguyễn Bình Ngọc T1, sinh ngày 22/4/2020.

Tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định*

giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Huệ M và ông Nguyễn Bình L cả hai thống nhất giao cả hai con chung cho bà Nguyễn Thị Huệ M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên yêu cầu được nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Huệ M là có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Nguyễn Thị Huệ M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

[3.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Huệ M tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Bình L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Huệ M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Huệ M xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Huệ M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huệ M được ly hôn với ông Nguyễn Bình L (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2017, đăng ký ngày 17/11/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường 5 Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Huệ M và ông Nguyễn Bình L có 02 con chung là Nguyễn Bình Ngọc T, sinh ngày 28/02/2018 và Nguyễn Bình Ngọc T1, sinh ngày 22/4/2020. Sau khi ly hôn giao cả hai con chung là Nguyễn Bình Ngọc T, sinh ngày 28/02/2018 và Nguyễn Bình Ngọc T1, sinh ngày 22/4/2020 cho bà Nguyễn Thị Huệ M được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Bình L không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Bình L có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các đương

sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Huệ M phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0015207 ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Huệ M đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Huệ M và ông Nguyễn Bình L có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cụcThi hành án dân sự Q7;
- Mỗi đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ (Thư ký Hoài Thu).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Viết Bình